TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/KDTM-PT
Ngày 28/02/2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và 28/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 284/2024/TLPT-KDTM ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 854/2024/QĐ-PT ngày 25/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐ-PT ngày 17/01/2025, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 28/2025/TB-TA ngày 07/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần G

Địa chỉ: Phường A, quận LB, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà H – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông G, sinh năm 1981. Địa chỉ: Xã B, huyện TT, thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần U

Địa chỉ: Phường C, quận CG, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông VH – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà NH, sinh năm 2002. Địa chỉ: Phường D, quận TX, thành phố Hà Nội; có mặt

- Bà C, sinh năm 2001. Địa chỉ: Phường E, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/08/2019, Công ty cổ phần G (viết tắt là Công ty G) và Công ty cổ phần U (viết tắt là Công ty U) đã ký hợp đồng kinh tế số 02082019/HĐKT/G – U ngày 02/8/2019 để mua bán sản phẩm cơ khí. Tổng giá trị hợp đồng kí kết giữa hai bên là 2.473.968.085 đồng.

Công ty G đã bàn giao hàng hoá đúng chất lượng và tiến độ, các lần bàn giao đều có biên bản bàn giao rõ ràng. Đồng thời, Công ty G đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ, chứng từ cần thiết liên quan đến hàng hoá và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty U. Tuy nhiên, Công ty U lại không thực hiện việc thanh toán theo nghĩa vụ của hợp đồng. Công ty G đã nhiều lần làm việc trực tiếp và gửi các văn bản đề nghị Công ty U thanh toán công nợ nhưng Công ty U không thực hiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty G.

Tính đến ngày 26/06/2024, Công ty U còn phải thanh toán cho Công ty G 3.372.855.662 đồng, bao gồm: số tiền hàng hoá chưa thanh toán là: 1.632.431.377 đồng; số tiền bồi thường và phạt theo hợp đồng tính đến ngày 26/6/2024 là: 1.740.424.285 đồng (trong đó: số tiền bồi thường hợp đồng là 1.707.775.675 đồng và số tiền phạt vi phạm 2% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là 32.648.628 đồng).

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Công ty G đề nghị Toà án:

1. Yêu cầu Công ty U thanh toán số tiền hàng hoá còn lại cho Công ty G là 1.632.431.377 đồng;

2. Yêu cầu Công ty U thanh toán số tiền bồi thường theo hợp đồng tính đến ngày 26/06/2024 là: 1.740.424.285 đồng (trong đó: số tiền bồi thường hợp đồng là 1.707.775.675 đồng và số tiền phạt vi phạm 2% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là 32.648.628 đồng).

Tổng số tiền Công ty U phải thanh toán cho Công ty G là: 3.372.855.662 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty U cho rằng nguyên đơn không cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến căn cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình ví dụ giấy tờ giao nhận hàng có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền của Công ty U. Do vậy, không đủ căn cứ để xác định Công ty G đã chuyển đủ hàng cho Công ty U.

Nguyên đơn cung cấp không trung thực số tiền thanh toán. Công ty U khẳng định số tiền đã thanh toán cho Công ty G đến thời điểm này nhiều hơn số tiền mà Công ty G cung cấp trước Tòa.

Vì những lý do trên, Công ty U không đồng ý với đơn khởi kiện này của nguyên đơn. Công ty U đề nghị quý Tòa cho hai bên thời gian để tìm lại hồ sơ, đối chiếu lại hợp đồng, sổ sách. Thời gian đề xuất để hai bên làm việc đến ngày 01/12/2024 do hiện tại hồ sơ đã bị thất lạc từ rất lâu, Công ty U cũng đang còn nhiều việc khác phải triển khai song song. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội đã xử:

- Căn cứ vào các Điều 117, Điều 280, Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 303, Điều 301, Điều 302, Điều 306, Điều 307 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G đối với bị đơn Công ty Cổ phần U.

Xác định bị đơn Công ty Cổ phần U còn nợ nguyên đơn Công ty Cổ phần G số nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 02082019/HĐKT/G – U ngày 02/8/2019 số tiền nợ gốc là: 1.632.431.377 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng); Số tiền bồi thường và phạt theo hợp đồng tính đến ngày 26/6/2024 là: 1.740.424.285 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi năm đồng), trong đó: Số tiền bồi thường hợp đồng là 1.707.775.675 đồng (Một tỷ bảy trăm linh bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) và Số tiền phạt phạt vi phạm 2% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là: 32.648.628 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng).

Tổng số tiền cả gốc và lãi mà bị đơn Công ty Cổ phần U phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần G là 3.372.855.662 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu tám trăm lăm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

2. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần U phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần G tổng số tiền là: 3.372.855.662 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu tám trăm lăm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng), bao

gồm: Số tiền nợ gốc là 1.632.431.377 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng); Số tiền bồi thường và phạt theo hợp đồng tính đến ngày 26/6/2024 là: 1.740.424.285 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi năm đồng), trong đó: Số tiền bồi thường hợp đồng là 1.707.775.675 đồng (Một tỷ bảy trăm linh bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) và Số tiền phạt phạt vi phạm 2% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là: 32.648.628 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng).

3. Kể từ ngày 01/7/2024 cho đến khi thi hành án xong bị đơn Công ty ổ phần U còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán và số tiền chậm thanh toán.

4. Về án phí KDTM:

Bị đơn Công ty Cổ phần U phải chịu toàn bộ 99.457.114 đồng (Chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm mười bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả nguyên đơn Công ty Cổ phần G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.264.279 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019831 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để bảo đảm công bằng quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán các khoản tiền sau: nợ gốc 1.632.431.377 đồng, lãi chậm thanh toán 522.378.040 đồng, phạt vi phạm 32.648.628 đồng. Tổng cộng: 2.187.458.045 đồng

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bị đơn thừa nhận nợ gốc 1.632.431.377 đồng, đề nghị nguyên đơn cho bị đơn giãn thời gian trả nợ gốc và miễn toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền chậm thanh toán là 522.378.040 đồng. Về án phí sơ thẩm sửa lại theo quy định của pháp luật. Về án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần U được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần G với Công ty cổ phần U phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần U có địa chỉ tại phường C, quận CG, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 02/08/2019, Công ty cổ phần G và Công ty cổ phần U đã ký hợp đồng kinh tế số 02082019/HĐKT/G-U ngày 02/08/2019 về việc Công ty cổ phần G sẽ cung cấp và chế tạo sản phẩm cơ khí cho Công ty cổ phần U.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần G đã thực hiện bàn giao hàng hoá đúng chất lượng và tiến độ, các lần bàn giao đều có Biên bản bàn giao hàng hoá rõ ràng. Nhưng Công ty cổ phần U chỉ thực hiện thanh toán một phần, do vậy đã vi phạm một phần nghĩa vụ mà các bên đã ký.

Tính đến ngày 15/5/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.639.431.377 đồng. Sau đó, bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn 4 lần với số tiền là 7.000.000 đồng. Nên số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.632.431.377 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.632.431.377 đồng, nên án sơ thẩm xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc trên là có căn cứ.

Đối với số tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định đó là tiền lãi do chậm

thanh toán và chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 1.632.431.377 đồng trong thời gian 4 năm kể từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/7/2024 với mức lãi suất 8%/năm là 522.378.040 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận và sửa phần này của án sơ thẩm.

Đối với số tiền phạt vi phạm bằng 2% giá trị hợp đồng bị vi phạm đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, án sơ thẩm xử bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phạt 32.648.628 đồng do vi phạm hợp đồng là đúng nên giữ nguyên.

Án sơ thẩm tuyên: "Kể từ ngày 01/7/2024 cho đến khi thi hành án xong Công ty cổ phần U còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán và số tiền chậm thanh toán" là chưa chính xác theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên sửa lại.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần U, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: Công ty cổ phần U không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 117, Điều 280, Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

Áp dụng Điều 303, Điều 301, Điều 302, Điều 306, Điều 307 Luật Thương mại 2005

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần U.

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2024/KDTM-ST ngày 01/07/2024 của Toà án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần G đối với Công ty cổ phần U theo Hợp đồng kinh tế số 02082019/HĐKT/G - U ngày 02/8/2019.

2. Buộc Công ty cổ phần U phải thanh toán cho Công ty cổ phần G:

Nợ gốc: 1.632.431.377 đồng

Lãi chậm thanh toán: 522.378.040 đồng

Phạt vi phạm: 32.648.628 đồng

Tổng cộng: 2.187.458.045 đồng

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần U phải chịu 75.749.160 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty cổ phần G 45.264.279 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019831 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội.

5. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty cổ phần U 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046351 ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận CG, tp Hà Nội;
- TAND quận CG, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn